

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày 28-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Hoàng
- Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H, sinh ngày 25-9-1993, tại: xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1966 và bà Lê Thị D, sinh năm 1973; tiền án: không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPVPHC ngày 28/9/2021 của Công an xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình phạt Nguyễn Đức H về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (chưa chấp hành); nhân thân: Bản án số 48/2018/HS-ST ngày 28-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Đức H 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 9-2012 đến tháng 01-2014; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14-5-2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; bị cáo được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Quý N, sinh năm 1965; vắng mặt
2. Bà Trần Thị X, sinh năm 1970; vắng mặt

Cùng cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 13-12-2023, bị cáo Nguyễn Đức H đi bộ một mình quanh thôn Đ, mục đích thấy ai sơ hở thì trộm cắp tài sản, lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi đến nhà ông Lê Quý N ở cùng thôn, quan sát xung quanh thấy không có người, bị cáo H trèo qua tường vào sân nhà ông N, thấy cửa ra vào phòng khách nhà ông N không khóa, bị cáo H mở cửa đi vào phòng khách rồi sang gian bán hàng tạp hóa, thấy có 01 thùng sơn nhỏ đựng tiền ở bên trong quầy kính, bị cáo H đã trộm cắp số tiền 400.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 04 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng) cho vào túi quần bên phải của bị cáo đang mặc, sau đó đi theo lối cũ ra ngoài đường. Nghe thấy tiếng động, ông N cùng bà Trần Thị X (vợ ông N) chạy ra ngoài sân thì nhìn thấy bị cáo H trèo qua tường và chạy ra đường nhưng không hô hoán gì. Vợ chồng ông N quay lại gian bán hàng kiểm tra tài sản thì phát hiện mất số tiền 400.000 đồng. Sáng ngày 15-12-2023, ông N đã đến Công an xã Đ trình báo vụ việc. Số tiền 400.000 đồng trộm cắp được, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKSHH ngày 04-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 14-5-2024; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại là ông Lê Quý N và bà Trần Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra ông N và bà X đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội: lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: đơn trình báo, lời khai của người bị hại: ông Lê Quý N và bà Trần Thị X; Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập hồi 6 giờ 30 phút ngày 15-12-2023 tại trụ sở Công an xã Đ; Biên bản vụ việc lập hồi 6 giờ 40 phút ngày 15-12-2023 do Công an xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, sơ đồ và bản ảnh nơi xảy ra vụ việc do Công an xã Đ lập hồi 08 giờ 10 phút ngày 15-12-2023 và biên bản kiểm tra, đánh giá hiện trường lập hồi 08 giờ 00 ngày 23-3-2024 tại nhà ông Lê Quý N.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: khoảng 04 giờ 10 phút ngày 13-12-2023, tại nhà của ông Lê Quý N và bà Trần Thị X ở thôn Đ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Đức H có hành vi trộm cắp số tiền 400.000 đồng tại thùng đựng tiền (là vỏ thùng sơn loại nhỏ) để tại gian bán hàng của gia đình ông N. Trước đó, bị cáo H có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa nên

hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo H đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo H thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng đến trật tự trị an khu vực xảy ra tội phạm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: bị cáo H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng, cải tạo để trở thành công dân tốt mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Từ những nhận định trên, đối chiếu với quy định của pháp luật và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Nguyễn Đức H ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: quá trình điều tra, ông N và bà X là bị hại trong vụ án không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 14-5-2024.
3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại ông Lê Quý N và bà Trần Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên